TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 277/2025/DS-ST
Ngày: 28/5/2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thành Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích

2. Ông Nguyễn Ngọc Hùng

- Thư ký phiên tòa : Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hương Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1223/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2025/QĐXXST- DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Mua bán nợ Q ; địa chỉ: Tầng 2, số 81 đường C, phường B, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh .

Người đại diện theo pháp luật: Ông K– Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà D; địa chỉ: Số 261-263 đường Ph, Phường 2, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 05/2025/POA ngày 19/4/2025); (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Lê Thị Thu T , sinh năm 1980; địa chỉ: Số 102/51/102 đường L, Phường 11, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Công ty TNHH Mua bán nợ Q (sau đây được viết tắt là Công ty V) và lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Bà D trình bày:

Ngày 24/4/2013, Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P Việt Nam, nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S (sau đây viết tắt là Công ty S) đã ký kết với Bà Lê Thị Thu T hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013 (sau đây gọi là hợp đồng tín dụng) với nội dung thỏa thuận, Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P cho Bà Lê Thị Thu T vay số tiền 30.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 2.92%/tháng; lãi phạt bằng 150% của lãi suất; Nợ gốc và nợ lãi được trả thành 36 kỳ; phương thức vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm. Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Pđã giải ngân cho Bà Lê Thị Thu T nhận đủ số tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 24/4/2013.

Ngày 09/9/2022, Công ty S ký kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty V. Theo thỏa thuận, Công ty S đã chuyển nhượng cho Công ty V nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013 ký với Bà Lê Thị Thu T . Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty V có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng Bà Lê Thị Thu T đã thanh toán khoản vay tổng số tiền là 3.535.900 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.488.700 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.047.200 đồng, đến ngày 05/8/2013 thì bị đơn ngừng thanh toán nên toàn bộ dư nợ được chuyển sang dư nợ quá hạn.

Thời điểm trước và sau khi Công ty S và Công ty V mua bán nợ, Bà Lê Thị Thu T đã được thông báo, đôn đốc trả nợ theo cam kết đã ký tại hợp đồng tín dụng, nhưng đến thời điểm hiện nay Bà Lê Thị Thu T vẫn không hợp tác, chậm trả nợ và trì hoãn việc thực hiện các nghĩa vụ.

Ngày 23/8/2024 Công ty TNHH Mua bán nợ Q khởi kiện Bà Lê Thị Thu T , yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Bà Lê Thị Thu T thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi của hợp đồng tín dụng, tạm tính đến ngày 23/8/2024 là: 200.000.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc quá hạn là 28.511.300 đồng; nợ lãi quá hạn là 16.274.800 đồng và lãi phạt chậm thanh toán: 155.213.900 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/3/2025 Bà D đại diện theo ủy quyền của Công ty V thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với Bà Lê Thị Thu T , lý do bị nhầm lẫn về số liệu vào thời điểm mua bán nợ. Nguyên đơn xác định lại khoản nợ yêu cầu Bà Lê Thị Thu T thanh toán: Tổng số nợ Bà Lê Thị Thu T phải thanh toán tính đến ngày 25/3/2025 là 189.587.048 đồng. Cụ thể, nợ gốc: 28.511.300 đồng; lãi trong hạn: 27.454.689 đồng; lãi quá hạn: 133.621.059 đồng và yêu cầu Bà Lê Thị Thu T tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh.

Tại bản khai đề ngày 28/5/2025 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 28/5/2025 với tổng số tiền là: 192.084.637 đồng, trong đó nợ gốc: 28.511.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.454.689 đồng; nợ lãi quá hạn: 136.118.648 đồng. Kể từ ngày

29/5/2025, yêu cầu Bà Lê Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án cho bị đơn là T tại địa chỉ số 102/51/102 đường L, Phường 11, quận G, TP. H nhưng bị đơn không đến Tòa trong các buổi mời làm việc, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn cũng như Tòa án không nhận được các tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 25/3/2025 và gửi cho bị đơn thông báo kết quả phiên họp. Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn, Bà Lê Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp cũng như tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát bảo đảm đúng thời hạn.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 71; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán các khoản nợ còn thiếu và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/20213 cho đến khi trả hết nợ.

Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Công ty TNHH Mua bán nợ Q có đơn khởi kiện yêu cầu Bà Lê Thị Thu T phải thanh toán tổng số nợ tạm tính đến ngày 28/5/2025 là: 192.084.637 đồng bao gồm khoản nợ gốc và lãi. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường 11 quận G, TP. H, thể hiện Bà Lê Thị Thu T thực tế cư trú số 102/51/102 đường L, Phường 11, quận G, TP. H. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận G, TP. H. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh .

[2] Nguyên đơn do Bà D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn; bị đơn Bà Lê Thị Thu T vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và bị đơn không có yêu cầu phản tố. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty V đối với Bà Lê Thị Thu T .

Tại đơn khởi kiện, Công ty V yêu cầu Bà Lê Thị Thu T thanh toán gốc quá hạn, lãi quá hạn và lãi chậm thanh toán. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn nhận thấy có nhầm lẫn về số liệu tại thời điểm mua bán nợ, do đó nguyên đơn sửa đổi lại yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Công ty V yêu cầu Bà Lê Thị Thu T thanh toán khoản nợ vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 28/5/2025 tổng số tiền là: 192.084.637 đồng, trong đó nợ gốc: 28.511.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.454.689 đồng; lãi quá hạn: 136.118.648 đồng. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện do nguyên đơn cung cấp gồm: Hợp đồng tín dụng (gồm: Hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013; bản điều khoản cơ bản hợp đồng tín dụng cá nhân); giấy nhận nợ ngày 24/4/2013; bảng tính lãi, đối chiếu các văn bản, tài liệu khác của nguyên đơn cung cấp có đủ cơ sở xác định Bà Lê Thị Thu T có ký kết với Công ty TNHH Một thành viên Tài chính P(nay đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH Một thành viên S) hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013, theo giấy nhận nợ ngày 24/4/2013 thể hiện Bà Lê Thị Thu T đã nhận đủ khoản vay với số tiền 30.000.000 đồng; mục đích vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay 36 tháng; lãi suất 2.92%/tháng; lãi phạt bằng 150% của lãi suất; nợ gốc và nợ lãi được trả thành 36 kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng Bà Lê Thị Thu T đã thanh toán tổng số tiền 3.535.900 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.488.700 đồng và nợ lãi trong hạn là 2.047.200 đồng, sau đó Bà Lê Thị Thu T không thanh toán cho nguyên đơn thêm bất cứ khoản

nợ nào. Do Bà Lê Thị Thu T không thanh toán khoản nợ còn thiếu và vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty Sđã chuyển khoản vay của Bà Lê Thị Thu T sang khoản nợ quá hạn từ ngày 05/8/2013 là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét nội dung thoả thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên về khoản nợ vay, lãi suất và trách nhiệm trả nợ phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*" và phù hợp với quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ hồ sơ mua bán nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện, ngày 09/9/2022, Công ty Ský kết hợp đồng mua bán nợ số 395-0922/COLLECTION-SVFC với Công ty V. Theo thỏa thuận, Công ty Sđã chuyển nhượng cho Công ty V nhiều hợp đồng tín dụng cùng khoản nợ tương ứng, trong đó bao gồm hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013 ký với Bà Lê Thị Thu T . Sau khi hợp đồng mua bán nợ được ký kết, Công ty V có toàn quyền thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật. Do đó Công ty V khởi kiện Bà Lê Thị Thu T yêu cầu thanh toán khoản vay và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngày 24/4/2013 là phù hợp với thỏa thuận của các bên mua bán nợ và phù hợp với quy định pháp luật, nên có cơ sở chấp nhận.

Việc Bà Lê Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Bà Lê Thị Thu T thực hiện việc nghĩa vụ trả nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Bà Lê Thị Thu T không đến Tòa, không có lời khai, không cung cấp chứng cứ để xác nhận hoặc phản bác yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bà Lê Thị Thu T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ kiện nêu trên, xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán.

Xét thấy, Bà Lê Thị Thu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mà các bên ký kết đã gây thiệt hại cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và tiền lãi phát sinh nêu trên làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bà Lê Thị Thu T thanh toán toàn bộ khoản nợ tính đến ngày 28/5/2025 tổng số tiền là: 192.084.637 đồng, trong đó nợ gốc: 28.511.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.454.689 đồng; nợ lãi quá hạn: 136.118.648 đồng, phát sinh theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013, giấy nhận nợ ngày 24/4/2013. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/5/2025 Bà Lê Thị Thu T phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 9.604.231 đồng.

Công ty TNHH Mua bán nợ Q không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0014911 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, a khoản 1 Điều 238; Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 2 Điều 17 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc Bà Lê Thị Thu T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Công ty TNHH Mua bán nợ Q , tính đến ngày 28/5/2025 tổng số tiền là: 192.084.637 đồng (một trăm chín mươi hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi bảy đồng), trong đó nợ gốc: 28.511.300 đồng; nợ lãi trong hạn: 27.454.689 đồng; nợ lãi quá hạn: 136.118.648 đồng, phát sinh theo hợp đồng tín dụng cá nhân số 10482079 ngày 24/4/2013; giấy nhận nợ ngày 24/4/2013. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 29/5/2025 Bà Lê Thị Thu T phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho bên cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lê Thị Thu T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là là 9.604.231 đồng (chín triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn hai trăm ba mươi mốt đồng).

- Công ty TNHH Mua bán nợ Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0014911 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh .

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Mua bán nợ Q và Bà Lê Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thành Huế